

Bản án số: 33/2024/HS-PT

Ngày: 23-4-2024

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hồng Chương.

*Các Thẩm phán:* Ông Lương Đức Dương và ông Lê Văn Hữu.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nguyên – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 26/2024/TLPT-HS ngày 29 tháng 02 năm 2024 đối với bị cáo Tô Quang H; do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 06/2024/HS-ST ngày 19 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 36/2024/QĐXXPT-HS ngày 09/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

**- Bị cáo có kháng cáo:**

Họ và tên: **Tô Quang H**, sinh năm 1992, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố A, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông; nơi tạm trú: Tổ dân phố B, phường Q, thành phố G, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Tô Quang T và bà Võ Thị K; có vợ là Ngô Thị Lệ D và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 20/5/2021; hiện đang chấp hành án tại Trại giam Đắk PLao; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Chị Tô Thị T; địa chỉ: Tổ dân phố C, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Chị Lê Thị S; địa chỉ: Tổ dân phố D, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Anh Bùi Minh T; địa chỉ: Tổ dân phố E, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Anh Lê Văn C; địa chỉ: Tổ dân phố F, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 10 năm 2016 đến tháng 02 năm 2021, Tô Quang H đã mua 07 xe mô tô không rõ nguồn gốc, sau đó thuê làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe rồi sử dụng để cầm cố, bán cho người khác; ngoài ra H còn thuê làm giả 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô để thế chấp vay tiền, cụ thể như sau:

**Lần thứ 1:** Vào tháng 10 năm 2016, H tìm trên trang web rồi đặt mua của một người đàn ông (*không rõ lai lịch*) 01 xe mô tô hiệu Honda loại SH150i với giá 37.000.000đ. H biết đây là xe không có giấy tờ nên yêu cầu người này làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô ghi tên ông Tô Quang T (*là bố của H*). Sau đó, H một mình đến công viên 30/4 tại phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai để nhận xe mô tô hiệu Honda, loại SH150i, màu đỏ, gắn biển kiểm soát 47K1-086.93 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô giả và thanh toán như thỏa thuận, rồi điều khiển xe về thành phố G, tỉnh Đắk Nông và sử dụng làm phương tiện đi lại.

Ngày 24/6/2020, H đem chiếc xe mô tô gắn biển kiểm soát 47K1-086.93 cùng giấy chứng nhận đăng ký mà H đã thuê làm giả đến cửa hàng cầm đồ NK tại tổ dân phố D, phường N để cầm cố cho chị Lê Thị S (*là chủ cửa hàng*). H nói dối xe này H mua trên mạng có giấy tờ hợp pháp. Sau khi kiểm tra giấy đăng ký, thấy phù hợp với đặc điểm chiếc xe nên bà S đồng ý nhận cầm cho H số tiền 60.000.000đ, hai bên lập hợp đồng cầm cố trong thời gian một tháng, lãi suất 1.000đ/1.000.000đ/ngày và thỏa thuận có thể gia hạn nhưng H phải trả tiền lãi hàng tháng. Số tiền có từ việc cầm cố xe H sử dụng hết. Hàng tháng H trả tiền lãi suất cho bà S, đến tháng 02/2021 thì vụ việc bị lực lượng Công an phát hiện.

**Lần thứ 2:** Đầu năm 2020, H mở cửa hàng mua bán xe máy cũ tại nơi ở của H thuộc tổ dân phố B, phường Q, thành phố G. Trong quá trình mua bán, H thấy việc mua xe mô tô không rõ nguồn gốc với giá rẻ rồi làm giả giấy chứng nhận đăng ký và biển kiểm soát để bán cho người khác sẽ đem lại lợi nhuận cao hơn nên H thường lên các trang web để tìm kiếm các loại xe này. Tháng 3 năm 2020, H đặt mua trên trang web 01 xe mô tô hiệu Honda, loại SH mode với giá 40.000.000đ của một người đàn ông (*không rõ lai lịch*), người này giao xe kèm theo biển kiểm soát 60F3-335.69 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe và bản sao giấy chứng minh nhân dân ghi tên Nguyễn Thanh B cho H tại quán cà phê VT thuộc phường N, thành phố G. H biết đây là giấy tờ giả nhưng đồng ý mua và trả cho người bán số tiền 40.000.000đ như đã thỏa thuận. Ngày 24/3/2020, H gọi điện thoại cho chị Lê Thị S để cầm cố xe mô tô này. Do bận công việc nên H nhờ vợ mình là Ngô Thị Lệ D đem xe mô tô cùng giấy chứng nhận đăng ký xe cầm cố cho bà S lấy số tiền 45.000.000đ. Hai bên lập hợp đồng cầm cố trong thời gian một tháng, lãi suất 1.000đ/1.000.000đ/01 ngày và thỏa thuận có thể gia hạn nhưng H phải đóng tiền lãi hàng tháng. Số tiền có từ việc cầm cố, D đưa toàn bộ cho H và H đã sử dụng hết. Hàng tháng, H trả tiền lãi 1.350.000đ cho bà S cho đến khi vụ việc bị phát hiện.

**Lần thứ 3:** Tháng 03 năm 2020, H tìm trên trang web thấy có đăng bán 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Sonic 150, H biết đây là xe không rõ nguồn gốc, giấy

chứng nhận đăng ký xe và biển kiểm soát làm giả nên có giá rẻ hơn giá trị thực tế, vì muốn có lợi nhuận nên H đặt mua với giá 30.000.000đ. Sau đó, H một mình đón xe khách đến bến xe thành phố L, tỉnh Đồng Nai gặp một người đàn ông (*không rõ lai lịch*) nhận xe mô tô hiệu Honda loại Sonic 150, màu đỏ đen, gắn biển kiểm soát 60B6-644.24 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô ghi tên Trương Minh Q; H thanh toán số tiền 30.000.000đ cho người này rồi điều khiển xe về thành phố G.

Ngày 10/7/2020 H cầm cố chiếc xe mô tô biển kiểm soát 60B6-644.24 cùng giấy chứng nhận đăng ký cho chị Lê Thị S lấy số tiền 35.000.000đ. Hai bên lập hợp đồng cầm cố trong thời gian một tháng, lãi suất 1.000đ/1.000.000đ/01 ngày và thỏa thuận có thể gia hạn nhưng H phải đóng tiền lãi hàng tháng. Số tiền có từ việc cầm cố, H đã sử dụng hết. Hàng tháng, H trả tiền lãi 1.050.000đ cho chị S cho đến khi vụ việc bị phát hiện.

**Lần thứ 4:** Khoảng tháng 02 năm 2020, H tìm trên trang web rồi đặt mua từ một người đàn ông có tài khoản Facebook tên “CC” xe mô tô hiệu Honda, loại SH150, H yêu cầu người này làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô và biển kiểm soát đầu số 48 (*biển kiểm soát tỉnh Đắk Nông*). Sau đó, H một mình đón xe khách đến Công viên tại phường T, thành phố B gặp người đàn ông (*không rõ lai lịch*) nhận 1 xe mô tô hiệu Honda, loại SH150, màu đỏ đen, gắn biển kiểm soát 48C1-229.10 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy và một bản sao chứng minh nhân dân ghi tên tên Đỗ Hồng P; H thanh toán số tiền 48.000.000đ rồi điều khiển xe về thành phố G. Ngày 21/6/2020, H đem chiếc xe mô tô kèm theo giấy chứng nhận đăng ký xe đến cửa hàng cầm đồ MT tại tổ dân phố E, phường N, thành phố G để cầm cố cho anh Bùi Minh T (*là chủ cửa hàng*). Sau khi kiểm tra thông tin trên giấy đăng ký phù hợp với đặc điểm xe thì anh T đồng ý cầm xe cho H với số tiền 65.000.000đ. Hai bên lập hợp đồng cầm cố trong thời gian một tháng, lãi suất 1.000đ/1.000.000đ/01 ngày và thỏa thuận có thể gia hạn nhưng H phải đóng tiền lãi. Số tiền có từ việc cầm cố, H đã sử dụng hết. Hàng tháng, H trả tiền lãi 1.950.000đ cho anh T cho đến khi vụ việc bị phát hiện.

**Lần thứ 5:** Khoảng tháng 3 năm 2020, H truy cập trang web đặt mua 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter 150, màu sơn đỏ trắng của một người đàn ông (*không rõ lai lịch*) với giá 17.500.000đ; H yêu cầu người này làm biển kiểm soát giả 47K1-196.93 và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô giả ghi tên Tô Quang H (*do năm 2016 H có đăng ký 1 xe mô tô mang BKS tương tự, H đã bán cho người khác*). Sau đó người này đã giao chiếc xe mô tô cùng giấy chứng nhận đăng ký xe cho H tại cửa hàng xe máy của H ở tổ dân phố B, phường Q. Ngày 24/12/2020, H đem chiếc xe mô tô gắn biển kiểm soát 47K1- 196.93 cùng giấy tờ đã làm giả cầm cố cho anh T lấy số tiền 20.000.000đ. Hai bên lập hợp đồng cầm cố trong thời gian một tháng, lãi suất 1.000đ/1.000.000đ/01 ngày và thỏa thuận có thể gia hạn hợp đồng nhưng H phải đóng tiền lãi hàng tháng. Số tiền có từ việc cầm cố, H đã sử dụng hết. Hàng tháng, H trả tiền lãi 600.000đ cho anh T cho đến khi vụ việc bị phát hiện.

**Lần thứ 6:** Khoảng tháng 3 năm 2020, H truy cập trang web đặt mua 01 xe mô tô hiệu Honda, gắn biển kiểm soát 60F1-797.80 kèm theo bản sao giấy đăng ký xe mô tô và chứng minh nhân dân ghi tên Châu Đức C với giá 26.000.000đ của

một người có tài khoản face book “CC”. Sau đó có 01 chiếc xe khách loại 16 chỗ (*chưa xác định được đặc điểm*) chở chiếc xe mô tô này đến giao cho H tại cửa hàng xe máy của H ở tổ dân phố B, phường Q. Khoảng 15 ngày sau, H bán chiếc xe đã mua cho một người không rõ nhân thân lai lịch với giá 30.000.000đ. Ngày 28/7/2020, người này đến bán lại chiếc xe cho H với giá 25.000.000đ. Do không có tiền thanh toán nên H đem xe mô tô cùng giấy chứng nhận đăng ký cầm cố cho anh T lấy số tiền 25.000.000đ. Hai bên lập hợp đồng cầm cố trong thời gian một tháng, lãi suất 1.000đ/1.000.000đ/01 ngày và thỏa thuận có thể gia hạn hợp đồng nhưng H phải đóng tiền lãi hàng tháng. Số tiền có từ việc cầm cố, H đã trả cho người đàn ông đã bán chiếc xe cho H. Hàng tháng, H trả tiền lãi 750.000đ cho anh T cho đến khi vụ việc bị phát hiện.

**Lần thứ 7:** Khoảng giữa năm 2020, có một người đàn ông (*không rõ lai lịch*) đến cửa hàng xe máy của H tại tổ dân phố B, phường Q bán cho H 01 xe mô tô Honda Blade màu đỏ, đen biển kiểm soát 48H1 - 192.36 với giá 6.500.000đ, kèm theo bản sao giấy chứng minh tên Thị W và bản sao giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô phi mô tô tên Thị W. Sau khi mua xe, H sử dụng tài khoản face book liên hệ với 01 người (*chưa rõ lai lịch*), thuê làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô tên Thị W với giá 800.000đ. Sau đó, H bán chiếc xe và giao giấy chứng nhận đăng ký xe cho anh Lê Văn C với số tiền 11.800.000đ.

**Lần thứ 8:** Ngoài các lần làm giả giấy chứng nhận đăng ký rồi sử dụng để cầm cố, bán cho người khác như trên, H còn thuê làm giả 01 giấy đăng ký xe ô tô, cụ thể:

Đầu tháng 02 năm 2020, H mua 01 xe ô tô hiệu For Ranger tại thành phố Hồ Chí Minh với giá 650.000.000đ. Sau đó H làm thủ tục thế chấp quyền sử dụng tại ngân hàng AB bằng hình thức trả góp trong vòng 05 năm. Chiếc xe được Công an tỉnh Đắk Nông cấp biển kiểm soát 48C-070.49, Ngân hàng AB giữ bản gốc giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô và cung cấp cho H 01 bản sao giấy chứng nhận đăng ký.

Đến cuối tháng 02 năm 2020, H đem chiếc xe ô tô này cùng bản sao giấy chứng nhận đăng ký do Ngân hàng AB cấp đến cầm cố cho chị Lê Thị S lấy số tiền 220.000.000đ. Ngày 23/02/2021, H gặp chị ruột là chị Tô Thị T hỏi vay tiền để chuộc xe từ chị S thì chị T đồng ý nhưng yêu cầu H phải làm thủ tục để chị T đứng tên chủ sở hữu xe ô tô. Do giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô Ngân hàng AB đang quản lý nên H nảy sinh ý định làm giả giấy đăng ký xe ô tô giả giao cho chị T giữ để vay tiền. Ngày 26/02/2021, H sử dụng face book liên hệ với một người có tài khoản tên “Nguyễn TT” (*không rõ lai lịch*) cung cấp các thông tin cá nhân của chị T rồi thuê người này làm giả giấy đăng ký xe ô tô ghi tên chị T với giá 3.500.000đ. Sau khi làm xong giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả, H đưa cho chị T giữ. Ngày 02/3/2021 chị T và H gặp chị S chuộc lại chiếc xe ô tô với số tiền 220.000.000đ, sau đó chị T giao xe cho H tiếp tục sử dụng cho đến lúc Công an thu giữ. Hiện giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô do Ngân hàng AB quản lý.

Tổng cộng Tô Quang H đã thuê làm giả 05 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô và sử dụng 08 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô giả để cầm cố, vay tiền.

Tại bản Kết luận giám định số: 02/KLGD-PC09 ngày 25/02/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, màu trắng, có số khung nguyên thủy: RLCUG1010JY012173, số máy nguyên thủy: G3D4E-277406, biển số 47K1-196.93, xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại SH Mode, màu đỏ, có số khung nguyên thủy: RLHJF5112FY040226; số máy nguyên thủy: JF51E-0284496, biển số 60F3-335.69 và xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Sonic 150, màu đỏ đen, có số khung nguyên thủy: MH1KB1111KK233189, số máy nguyên thủy: KB11E-1232517, biển số 60B6 - 644.24 đều không phải do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

Tại bản Kết luận giám định số: 04/KLGD-PC09 ngày 10/3/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại SH 150i màu đỏ, có số khung nguyên thủy: RLHJF4218DY104100, số máy nguyên thủy: JF42E-0026314, biển số 48C1-229.10; xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại SH Mode màu xanh, có số khung nguyên thủy: RLHJF5127FY046709, số máy nguyên thủy: JF51E-0288249, biển số 60F1-797.80 và xe mô tô nhãn hiệu Honda loại SH 150i màu đỏ, có số khung nguyên thủy: RLHKF1416DY002052; số máy nguyên thủy: KF14E-0001978, biển số 47K1-086.93 đều không phải do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

Tại bản Kết luận giám định số: 37/KLGD-PC09 ngày 03/4/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông kết luận: 06 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy dưới đây không phải do cơ quan nhà nước ban hành (là tài liệu giả): 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 134778, tên chủ xe Nguyễn Thành B, biển số đăng ký 60F3 - 335.69; 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 064799, tên chủ xe Châu Đức C, biển số đăng ký 60F1 - 797.80; 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 024785, tên chủ xe Tô Quang T, biển số đăng ký 47K1 - 086.93; 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 035944, tên chủ xe Tô Quang H, biển số đăng ký 47K1 - 196.93; 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 035944, tên chủ xe Trương Minh Q, biển số đăng ký 60B6 - 644.24; 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 035944, tên chủ xe Đỗ Hồng P, biển số đăng ký 48C1 - 229.10.

Tại bản Kết luận giám định số: 90/GĐTL-PC09 ngày 26/3/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông kết luận trong 06 giấy chứng nhận đăng ký ô tô, mô tô sau: 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 48001156 do Công an tỉnh Đắk Nông cấp ngày 03/02/2021, đứng tên Nguyễn Đình L, biển số đăng ký 48B1-640.44 (ký hiệu A1) là do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp (là thật); 01 chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 010918, biển kiểm soát 48B1-42195, mang tên Sử Thị Hồng A do Công an tỉnh Đắk Nông cấp ngày 18/11/2016 (ký hiệu A2) là do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp (là thật); 01 giấy chứng nhận đăng ký xe biển kiểm soát 30K9-5258 đứng tên Trần Văn N do Công an thành phố Hà Nội cấp tháng 01/2020 (ký hiệu A3) có phôi là thật, không có chữ ký và hình con dấu để so sánh; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 48000037 đứng tên Tô Thị T (ký hiệu A4) không phải là do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp (là giả); 01 giấy chứng nhận đăng ký xe số 026549 do Công an tỉnh Đắk Nông cấp ngày 25/10/2018, đứng tên Lê Trần C (ký hiệu A5) không phải là do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp

(là giả); 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 054927 do Công an huyện Đắk R'Lấp cấp ngày 115/5/2019 đứng tên Thị W (*ký hiệu A6*) không phải là do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp (là giả).

Tại bản Kết luận giám định số: 236/KLGD-PC09 ngày 17/6/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông kết luận: Xe ô tô nhãn hiệu Ford Ranger, gắn biển kiểm soát 48C-07049 có số khung nguyên thủy: MNCLMFF80MW119570 và số máy nguyên thủy: P4AT2944979; xe mô tô nhãn hiệu Honda SH mode, gắn biển kiểm soát 48B1-640.44 có số khung nguyên thủy: RLHJF5156KZ064259 và số máy nguyên thủy xe: JF87E-5144639; xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade, gắn biển kiểm soát 48H1-192.36 có số khung nguyên thủy xe: RLHJA3646KY016849 và số máy nguyên thủy: JA36E-0762760 là do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

Tại bản Kết luận giám định số: 237/KLGD-PC09 ngày 17/6/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade, gắn biển kiểm soát 48B1-535.08 có số khung nguyên thủy RLHJA3632GY116784; số máy nguyên thủy: JA36E- 0678837 là do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

**Bản án hình sự sơ thẩm số:** 06/2024/HS-ST ngày 19 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông đã quyết định:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 341; điểm b khoản 2 Điều 341; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55 của Bộ luật hình sự.

**Tuyên bố:** Tô Quang H phạm tội "*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*" và tội "*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*".

**Xử phạt:** Tô Quang H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*" và 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*".

Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo Tô Quang H phải chấp hành hình phạt chung là 05 (năm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 20/5/2021.

**Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng Điều 46 của Bộ luật hình sự; các điều 584 và 589 của Bộ luật dân sự; buộc Tô Quang H phải trả cho chị Lê Thị S số tiền 110.000.000đ (*một trăm mười triệu đồng*) và trả cho anh Bùi Minh T số tiền 50.000.000đ (*năm mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành các khoản tiền trên, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra, Hội đồng xét xử sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 29/01/2024, bị cáo Tô Quang H kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự, nội dung: Số tiền phải trả cho chị Lê Thị S và anh Bùi Minh T

đã được gia đình bị cáo thỏa thuận với chị S và anh T là trả dần và số tiền này không thể xử lý cùng trong vụ án làm giả và sử dụng tài liệu giả.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Tô Quang H, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người nêu trên.

[2]. Xét kháng cáo của bị cáo Tô Quang H:

[2.1]. Bị cáo không kháng cáo về trách nhiệm hình sự nên theo quy định tại Điều 345 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử không xem xét về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo; tuy nhiên căn cứ vào lời khai nhận tội của bị cáo, của những người tham gia tố tụng khác và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định: Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa xét xử và tuyên phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù về tội "*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*" và 02 năm 06 tháng tù về tội "*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*" là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2]. Về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Từ tháng 10 năm 2016 đến tháng 02 năm 2021, Tô Quang H đã mua 07 xe mô tô không rõ nguồn gốc, sau đó thuê người làm giả 04 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô rồi sử dụng giấy tờ giả để cầm cố cho chị Lê Thị S 03 lần với tổng số tiền 140.000.000 đồng; cho anh Bùi Minh T 03 lần với tổng số tiền 110.000.000 đồng và bán cho anh Lê Văn C cùng 01 xe mô tô với số tiền 11.800.000 đồng; ngoài ra, H còn thuê làm giả 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô để thế chấp vay của chị Tô Thị T số tiền 220.000.000 đồng.

Chỉ vì tư lợi cá nhân, muốn kiếm tiền một cách nhanh chóng; bị cáo đã có hành vi, thủ đoạn gian dối là làm giả các giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô cùng biển kiểm soát để hợp thức hóa các xe này; sau đó sử dụng các tài liệu giả này nhằm mục đích cầm cố, bán xe cho người khác và vay tiền để tiêu xài. Các cơ quan tiến hành tố tụng không chứng minh được ý thức của bị cáo có muốn chiếm đoạt những khoản tiền bị cáo đã nhận và ngày 22/9/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Gia Nghĩa đã ra Quyết định đình chỉ điều tra vụ án hình sự "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" đối với bị cáo; tuy vậy, những khoản tiền bị cáo đã

nhận được từ chị Lê Thị S, anh Bùi Minh T, anh Lê Văn C và chị Tô Thị T là xuất phát từ hành vi gian dối của bị cáo như nêu ở trên. Theo quy định tại Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự thì “Việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự được tiến hành cùng với việc giải quyết vụ án hình sự” và chỉ được tách ra trong trường hợp “vấn đề bồi thường thiệt hại, bồi hoàn mà chưa có điều kiện chứng minh và không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án hình sự”.

Trong vụ án này, nếu không có hành vi gian dối của bị cáo thì chị S, anh T, anh C và chị T sẽ không bỏ ra những khoản tiền nêu trên, thực tế bị cáo đã nhận tiền, tiêu xài và hiện chưa hoàn trả cho những người này. Đối với chị Tô Thị T: Chị T là chị ruột của bị cáo và không yêu cầu bị cáo phải trả tiền; đối với anh Lê Văn C đã nhận từ gia đình bị cáo số tiền 11.800.000 đồng nên không còn yêu cầu; đối với chị Lê Thị S đã nhận từ gia đình bị cáo số tiền 30.000.000 đồng, chị S yêu cầu bị cáo tiếp tục trả số tiền còn lại là 110.000.000 đồng; đối với anh Bùi Minh T yêu cầu bị cáo phải trả số tiền 50.000.000 đồng. Đây là những yêu cầu chính đáng và có căn cứ nên buộc bị cáo phải có nghĩa vụ trả tiền cho chị S và anh T. Đối với việc bị cáo cho rằng chị S và anh T đã thỏa thuận với gia đình bị cáo là trả dần thì bị cáo hoặc gia đình bị cáo có quyền thỏa thuận với chị S và anh T trong giai đoạn thi hành án về phương thức và thời hạn trả tiền. Về việc bị cáo cho rằng số tiền này không thể xử lý cùng trong vụ án này thì như đã phân tích ở trên, những khoản tiền chị S và anh T phải bỏ ra và hiện chưa được hoàn trả là do hành vi gian dối của bị cáo gây ra nên buộc bị cáo phải có nghĩa vụ trả tiền cho chị S và anh T. Việc này cũng phù hợp với quy định tại các điều 584, 589 Bộ luật dân sự và hướng dẫn tại tiêu mục 1 Mục I Công văn 121/2003/KHXX ngày 19/9/2003 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải quyết các vấn đề liên quan đến tài sản, bồi thường thiệt hại trong vụ án hình sự, cụ thể: “1. Phần dân sự trong vụ án hình sự được hướng dẫn trong Công văn này bao gồm: đòi trả lại tài sản bị chiếm đoạt; ...”.

Từ những vấn đề nhận định, phân tích nêu trên và xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

**1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Tô Quang H, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 06/2024/HS-ST ngày 19 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.**

**Về trách nhiệm dân sự:** Căn cứ Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 46 của Bộ luật hình sự và các điều 584, 589 của Bộ luật dân sự.

Buộc Tô Quang H phải trả cho chị Lê Thị S số tiền 110.000.000đ (một trăm mười triệu đồng) và trả cho anh Bùi Minh T số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).



Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành các khoản tiền trên, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

**2. Về án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; buộc bị cáo Tô Quang H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

**3.** Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

**4.** Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TANDTC (Vụ I);
- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Phòng Hồ sơ Công an tỉnh Đắk Nông;
- TAND thành phố Gia Nghĩa;
- VKSND thành phố Gia Nghĩa;
- Chi cục THADS thành phố G;
- CQTHAHS Công an TP. G;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HS, Tổ HCTP, Tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hồng Chương**